

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG THCS HẬU GIANG

BẢNG PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN NĂM HỌC 2023-2024
HỌC KỲ 1 (Từ 05/9/2023)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	MÔN DẠY	Lớp dạy	Kiểm nhiệm	Định mức tiết dạy (19 - số tiết được giảm)	Tổng số tiết dạy thực tế	Số tiết dư
1	Huỳnh Hạnh Diễm Phúc	Hiệu trưởng	BDHSG Toán	9/1;9/4		2	2	0
2	Trần Phước Thường	Phó Hiệu trưởng	BDHSG Tiếng Anh	9/1;9/4		4	4	0
3	Nguyễn Thị Hiền	Phó Hiệu trưởng	GD CD	7/1;7/2;7/3;7/4		4	4	0
4	Trần Minh Vũ	Giáo viên Tổng phụ trách	GDDP	6/4;6/5;6/6;6/7;6/11		2	5	3
5	Lê Hải Anh	Giáo viên	Anh	6/4;6/5			6	Thinh giảng
6	Lê Thị Tuyết Vinh	Giáo viên	Anh	7/2;7/6;7/8;8/2	CN 7/2	19	19	0
7	Ngô Minh Đạo	Giáo viên	Anh	7/5;7/7;9/6;9/8	CN 7/7	19	17	-2
8	Nguyễn Thị Bích Đào	Giáo viên	Anh	6/7;6/11;7/3;7/9	CN 6/7;P.CT CD	19	22	3
9	Nguyễn Thị Bích Tuyền	Giáo viên	Anh	6/3;6/6;6/10	CN 6/10;TTCD	19	17	-2
10	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Giáo viên	Anh	6/2;7/1;7/4	CN 7/4	19	16	-3
11	Nguyễn Thị Thanh Hương	Giáo viên	Anh	6/1;6/8;6/9;9/5		19	16	-3
11	Nguyễn Thị Thanh Hương	Giáo viên	GDDP	6/1;6/2;6/8;6/9;6/10		19	13	-6
12	Nguyễn Tiến Cường	Giáo viên	Anh	8/3;8/4;8/6;9/4;9/9		19	17	-2
13	Trần Anh Thư	Giáo viên	Anh	8/1;8/5;9/3;9/7	CN 8/1	19	17	-2
14	Võ Đoàn Anh Nguyễn	Giáo viên	Anh	8/7;9/1;9/2	CN 9/2; TTCD,BDHSG Quận	19	20.5	1.5
15	Đinh Thị Vân Quỳnh	Giáo viên	C.Nghệ	K6	CN 6/3	19	19	0
			GDDP	6/3				
16	Huỳnh Bảo Ngọc	Giáo viên	C.Nghệ	K8	P.TN	19	24	5
			GDDP	K8				
17	Lâm Hoàng Yến	Giáo viên	C.Nghệ	K9	CN 9/6; TTCD;CTCD; Hướng nghiệp	19	21.5	2.5



STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	MÔN DẠY	Lớp dạy	Kiểm nhiệm	Định mức tiết dạy (19 - số tiết được giám)	Tổng số tiết dạy thực tế	Số tiết dư
18	Võ Thị Xuân Hải	Giáo viên	C.Nghệ GDĐP	K7		19	18	-1
19	Nguyễn Gia Mạnh	Giáo viên	Địa LSDL	9/2;9/3;9/5;9/6;9/7;9/8;9/9 8/3;8/4;8/6;8/7		19	26	7
20	Nguyễn Thị Hồng Phượng	Giáo viên	Địa LSDL	9/1;9/4 7/1;7/2;7/7;7/8;7/9	CN 7/9	19	26	7
21	Hồ Văn Trí	Giáo viên	GDĐD	K6;K8	CN 8/2	19	23	4
22	Nguyễn Kim Ly	Giáo viên	GDĐD	6/2;6/11;7/5;7/6;7/7;7/8;7/9;K9	CN 6/11; TTCM; BCHCD	19	24	5
23	Nguyễn Thị Loan	Giáo viên	Hóa KHTN	9/3;9/4;9/5;9/6 8/2;8/6	CN 8/6	19	23	4
24	Trần Minh Hậu	Giáo viên	Hóa KHTN	9/1;9/2;9/7;9/8;9/9 6/2	P.TN		17	Thinh giảng
25	Lâm Trung Quyền	Giáo viên	KHTN Ly	8/4 9/1;9/3;9/4;9/8	CN 9/3; TTCM; BDHSG Quận	19	25.5	6.5
26	Lê Minh Hiếu Thuận	Giáo viên	KHTN	6/3;6/5;8/3	CN 8/3;P.TN	19	22	3
27	Lê Ngọc Thanh Ngân	Giáo viên	KHTN	7/4;8/5			8	Thinh giảng
28	Lương Thị Hạnh	Giáo viên	KHTN	6/6;6/7;6/9;6/11	CN 6/6	19	23	4
29	Nguyễn Thị Mỹ	Giáo viên	KHTN	6/1;6/4;6/8;6/10	CN 6/1	19	23	4
30	Tăng Siêu Tuấn	Giáo viên	KHTN Sinh	8/1;8/7 9/1;9/4;9/5;9/9	CN 9/5; BDHSG Quận	19	26.5	7.5
31	Trần Thị Hoa	Giáo viên	KHTN Sinh	7/5;7/7 9/2;9/3;9/6;9/7;9/8	P.TN	19	21	2
32	Trần Thị Kim Quyển	Giáo viên	KHTN	7/2;7/3;7/6;7/9	CN 7/6	19	23	4
33	Trần Việt Chương	Giáo viên	KHTN Ly	7/1;7/8 9/2;9/5;9/6;9/7;9/9	CN 7/8	19	25	6
34	Đào Thị Kim Dung	Giáo viên	LSDL	6/3;6/4;6/8;6/9;6/10;8/1;8/2;8/5		19	24	5
35	Đinh Thị Suong	Giáo viên	LSDL	6/1;6/2;6/5;6/6;6/7;6/11	CN 6/5	19	25	6
36	Tô Hoài Thơ	Giáo viên	LSDL Sư	7/3;7/4;7/5;7/6 K9	BCHCD	19	22	3
37	Hồ Anh Trí	Giáo viên	MT	K7;K8;9/1;9/3;9/5;9/6;9/7;9/8;9/9		19	23	4
38	Nguyễn Quốc Huy	Giáo viên	MT	K6;9/2;9/4	CN 6/9; TTCĐ	19	21	2
39	Lương Tài Hiền	Giáo viên	Nhạc	K6;K7;K8	Phụ trách Văn nghệ	19	30	11

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	MÔN DẠY	Lớp dạy	Kiểm nhiệm	Định mức tiết dạy (19 - số tiết được giảm)	Tổng số tiết dạy thực tế	Số tiết dư
40	Bành Phan Tấn Tài	Giáo viên	T.Học	K7.9/3;9/5	CN 7/5	19	20	1
41	Lê Minh Tuấn	Giáo viên	T.Học	K8.9/1;9/4;9/8;9/9	CN 8/7	19	22	3
42	Phạm Huy Khanh	Giáo viên	T.Học	K6.9/2;9/6;9/7	TTCM	19	20	1
43	Bùi Công Thành	Giáo viên	GDTC	6/1.6/2;6/3;6/4;6/5;6/10;6/11;8/3;8/4;8/5	TTCM	19	23	4
44	Hồ Trung Vũ	Giáo viên	GDTC	6/6;6/7;6/8;6/9;K9		19	26	7
45	Tôn Tấn Nhuận	Giáo viên	GDTC	K7.8/1;8/2;8/6;8/7		19	26	7
46	Đặng Thành Trung	Giáo viên	Toán	7/2;7/5;7/6;9/2;9/6		19	20	1
47	Đinh Thị Phương	Giáo viên	Toán	6/1.6/4;6/9;7/8	CN 6/4	19	23	4
48	Đỗ Thị Mai Trinh	Giáo viên	Toán	6/2;6/7;6/8	CN 6/8	19	19	0
49	Lưu Thị Thanh Hằng	Giáo viên	Toán	6/3;6/10			8	Thỉnh giảng
50	Nguyễn Thành Nhân	Giáo viên	Toán	6/5;6/6;6/11;7/1		17	16	-1
51	Phạm Thị Thảo	Giáo viên	Toán	8/1;8/6;9/5;9/7	CN 9/7	19	20.5	1.5
52	Trần Ngọc Anh Thư	Giáo viên	Toán	7/4;7/9			8	Thỉnh giảng
53	Trần Thị Cẩm Lệ	Giáo viên	Toán	8/2;8/7;9/1;9/9	CN 9/9; TTCD	19	21.5	2.5
54	Trần Thị Huệ Chi	Giáo viên	Toán	8/3;8/4;9/3	CN 8/4	19	19	0
55	Vũ Hà Nhất Thảo	Giáo viên	Toán	8/5;9/4;9/8	CN 9/4; TTCD	19	19.5	0.5
56	Trần Phước Lộc	Giáo viên	Toán	7/3;7/7			8	Thỉnh giảng
57	Dương Thị Thảo	Giáo viên	Văn	6/5;6/6;6/9;6/10		19	16	-3
58	Huỳnh Thị Bích Oanh	Giáo viên	Văn	6/4;9/1;9/4;9/9	CN 9/1	19	26.5	7.5
59	Nguyễn Đức Hưng	Giáo viên	Văn	8/4;8/6;9/5;9/8	CN 9/8	19	22.5	3.5
60	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Giáo viên	Văn	6/3;6/7;7/4;7/7;7/8			20	Thỉnh giảng
61	Nguyễn Thị Kim Phương	Giáo viên	Văn	7/1;8/2;8/3;8/7	CN 7/1	19	23	4
62	Nguyễn Thị Lan	Giáo viên	Văn	7/2;7/5;7/6;7/9	TB TTND; TKHD	19	20	1
63	Phạm Thị Thanh Thủy	Giáo viên	Văn	7/3;9/3;9/6	CN 7/3; TTCD	19	22	3
64	Trần Thị Như Thủy	Giáo viên	Văn	6/2;6/8;9/2;9/7	CN 6/2	19	25	6
65	Trương Ngọc Thủy	Giáo viên	Văn	6/1;6/11;8/1;8/5	CN 8/5	19	23	4

Quận Gò Vấp ngày 31 tháng 8 năm 2023
 TRƯỞNG HỘI ĐỒNG
HÀU GIANG
 Huyện Bình Diễm Phúc

TP. HỒ CHÍ MINH
 SỐ QUÂN 9

